

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

Bản án số: 74/2021/DS-PT

Ngày 20 - 7 – 2021.

V/v: “Tranh chấp quyền sử dụng đất”

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn X Thọ.

Các Thẩm phán: Ông Đặng Văn Quyết; bà Phạm Thị Minh Hiền.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hoa, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn ĐC Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 20/7/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 40/DSPT ngày 05/4/2021 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 02/2021/DS- ST ngày 15/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện L N, tỉnh Bắc Giang có kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56//2021/QĐ -PT ngày 28/4/2021, thông báo hoãn thời gian mở phiên tòa số 39/TB- TA ngày 17/5/2021, thông báo tiếp tục mở phiên tòa số 53/TB- TA ngày 28/5/2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Trần Văn TA (tên thường gọi: TB), sinh năm 1965 (có mặt).

- *Bị đơn:* Trần Trung TB (tên thường gọi: TA), sinh năm 1957 (có mặt).

Các đương sự đều cùng địa chỉ: Thôn T M, xã T M, huyện L N, tỉnh Bắc Giang.

- *Người có quyền và nghĩa vụ liên quan:*

1. Lục Thị L, sinh năm 1965 (vắng mặt);
2. Trần Văn P, sinh năm 1987 (vắng mặt);
3. Trần Thị ĐA, sinh năm 1990 (vắng mặt);
4. Trần Văn ĐC, sinh năm 1993 (vắng mặt);

5. Lư Thị X, sinh năm 1989 (vắng mặt).

(Bà L, anh Phúc, chị ĐA, anh ĐC, chị X đều ủy quyền cho ông Trần Văn TA theo văn bản ủy quyền ngày 30/6/2020).

Đều trú tại: Thôn T M, xã T M, L N, Bắc Giang.

6. Chu Thị C, sinh năm 1958 (vắng mặt);

7. Trần Văn Quý, sinh năm 1990 (vắng mặt) ;

(Bà C, anh Quý đều ủy quyền cho ông Trần Trung TB theo văn bản ủy quyền ngày 31/8/2020).

Đều trú tại: Thôn T M, xã T M, L N, Bắc Giang.

8. Trương Thị H, sinh năm 1975 (vắng mặt);

9. Trần Văn TA, sinh năm 1986 (vắng mặt);

10. Chuyên Thị M, sinh năm 1993 (vắng mặt);

11. Trần Văn PH, sinh năm 1988 (vắng mặt);

12. Diệp Thị Li, sinh năm 1995 (vắng mặt);

13. Trần Thị CH, sinh năm 1980 (vắng mặt);

14. Trần Thị NA, sinh năm 1983 (vắng mặt);

15. Trần Văn TN, sinh năm 1975 (có mặt);

(Chị H, anh TA, chị M, anh Ph, chị Li, chị CH, chị NA đều ủy quyền cho anh Trần Văn TN sinh năm 1975 theo văn bản ủy quyền ngày 31/8/2020, anh Trần Văn TN có mặt) ;

16. Trần Thị LN, sinh năm 1977 (vắng mặt) (Chị LN ủy quyền cho chồng là Trương Văn M theo văn bản ủy quyền ngày 03/9/2020, anh Trương Văn M có mặt).

Trú tại: Ng M, B S, L N, Bắc Giang;

17. Trần Thị Th, sinh năm 1993 (vắng mặt).

Trú tại: Thôn Th, Tr H, L N, Bắc Giang.

18. Ủy ban nhâ dân huyện L N do ông Mai Văn Dư là đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 08/8/2020).

19. Hạt kiểm lâm huyện L N do ông Nguyễn Ngọc HG là đại diện theo ủy quyền).

20. Ủy ban nhân dân xã T M do ông Phạm Văn LU – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T M là đại diện theo ủy quyền.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, đơn bổ sung và những lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết tại Toà án nguyên đơn ông Trần Văn TA trình bày:

Ông và ông Trần Trung TB có quan hệ hàng xóm. Theo quyết định 352/GDGR ngày 11/12/1997 ông được Ủy ban nhân dân huyện L N giao 12ha = 120.000m² đất rừng lâm nghiệp, thuộc lô 401 (địa chỉ thửa đất: Khu vực rừng Chin Lạc, thôn T M, xã T M, huyện L N, tỉnh Bắc Giang). gia đình ông trồng sắn, đến năm 2010 trồng keo lấy gỗ. Quá trình canh tác ông phát hiện ra ông Trần Trung TB lấn đất ông được giao, ông đã sang nhà ông Trần Trung TB nói chuyện nhiều lần nhưng ông Trần Trung TB không trả mà tiếp tục trồng keo. Đến năm 2019 ông đã có đơn đề nghị Ủy ban nhân dân xã T M giải quyết nhưng gia đình ông Trần Trung TB không chấp hành nên không giải quyết được. Ông khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện L N giải quyết: Buộc gia đình ông Trần Trung TB phải khai thác, thu hoạch toàn bộ số cây trồng trên diện tích đất lấn chiếm; trả lại gia đình ông diện tích đất lấn chiếm là 02ha (Đo đạc thực tế thì diện tích tranh chấp giữa gia đình ông và gia đình ông Trần Trung TB = 20.335,5m², ông đề nghị Tòa án buộc gia đình ông Trần Trung TB phải trả lại gia đình ông theo diện tích đo đạc là 20.335,5m²).

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai và những lời khai tiếp theo tại Tòa án bị đơn ông Trần Trung TB trình bày:

Năm 1997 ông được Nhà nước giao 6,25ha đất lâm nghiệp, tại lô số 403 tại khu rừng Chin Lạc, thôn T M, xã T M, huyện L N theo Quyết định cấp đất số: 352/ngày 11/12/1997. Lô đất ông được giao có ranh giới với đất ông Trần Văn TA được giao. Khi giao đất có đại diện thôn, xã T M và Hạt kiểm lâm huyện L N, vợ ông là bà Chu Thị C là người trực tiếp nhận đất, khi giao chỉ rõ ranh giới sau đó về vẽ sơ đồ. Sau khi nhận đất được giao, gia đình ông trồng lúa, khoai, sắn, sau đó trồng keo. Tại thời điểm cấp đất và sau thời điểm cấp đất gia đình ông có đủ những thành viên gồm có, ông (Trần Trung TB), vợ Chu Thị C, con trai Trần Văn TN và vợ Trương Thị H, con trai Trần Văn TA lấy vợ Truyền Thị Mai, con trai Trần Văn PH lấy vợ Diệp Thị Li và các con gái Trần Thị LN, Trần Thị CH, Trần Thị NA, Trần Thị Th đã cùng ông khai phá, trồng khoai sắn trên diện tích đất này. Hiện nay các con ông đã trưởng thành, lập gia đình trong hộ khẩu của gia đình ông chỉ còn ông, vợ ông Chu Thị C và con trai Trần Văn Q.

Đến năm 2018 đo lại toàn bộ diện tích đất rừng của xã để cấp đổi sổ mới, trong thời gian chờ cấp lại sổ đỏ, gia đình ông Trần Văn TA thấy diện tích đất nhà ông rộng hơn nên đã khởi kiện đòi đất. Ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn TA, ông đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo đúng quy định của pháp luật để bảo vệ quyền lợi cho ông.

Tại bản tự khai, biên bản ghi lời khai và những lời khai tiếp theo tại Toà án những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày:

1. Bà Lục Thị L trình bày:

Bà là vợ ông Trần Văn TA, Năm 1997 gia đình bà được giao đất rừng lâm nghiệp, thuộc lô 401, theo Quyết định cấp đất số: 352/ngày 11/12/1997 tại khu rừng Chin Lạc, thuộc thôn T M, xã T M. Khi giao đất có đầy đủ thôn, xã, Hạt kiểm lâm huyện L N, các bên ra thực địa để nhận đất. Trong quá trình canh tác, gia đình ông Trần Trung TB lấn sang diện tích đất thuộc quyền sử dụng của gia đình bà. Đến năm 2018, gia đình bà đã có đơn ra Ủy ban nhân dân xã T M để giải quyết nhưng ông Trần Trung TB không đến làm việc.

Bà đồng ý với yêu cầu khởi kiện ông Trần Văn TA. Đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông Trần Trung TB phải trả gia đình bà diện tích đất lấn chiếm theo kết quả đo đạc thực tế = 20335,5m². Bà ủy quyền cho ông Trần Văn TA đại diện đến khi kết thúc vụ án.

2. Anh Trần Văn P trình bày:

Anh là con đẻ ông Trần Văn TA. Anh nhất trí với yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn TA. Đề nghị Tòa án nhân dân huyện L N căn cứ vào quy định pháp luật giải quyết. Anh ủy quyền cho ông Trần Văn TA đại diện đến khi kết thúc vụ án.

3. Chị Trần Thị ĐA trình bày:

Chị là con gái ông Trần Văn TA, hiện nay chị đã lập gia đình và tách khẩu, sinh sống với gia đình chồng ở Trại Ruộng, Đông Hưng, Lục Nam, thời điểm Nhà nước giao đất giao rừng cho bố chị thì chị không biết, gia đình ông Trần Trung TB lấn chiếm đất chị không biết. Ông Trần Văn TA khởi kiện yêu cầu ông Trần Trung TB trả lại diện tích đất lấn chiếm. Chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện L N căn cứ quy định pháp luật để giải quyết. Chị ủy quyền cho ông Trần Văn TA đại diện đến khi kết thúc vụ án.

4. Anh Trần Văn ĐC trình bày:

Anh là con trai ông Trần Văn TA. Anh đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn TA đề nghị Tòa án nhân dân huyện L N giải quyết buộc ông Trần Trung TB phải trả lại diện tích đất lấn chiếm. Anh đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết. Anh ủy quyền cho ông Trần Văn TA đại diện cho đến khi kết thúc vụ án.

5. Chị Lục Thị X trình bày:

Chị là con dâu ông Trần Văn TA, chị kết hôn với anh Trần Văn P năm 2009, đến năm 2010 thì chị ra ở riêng. Ông Trần Văn TA khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện L N giải quyết buộc ông Trần Trung TB phải trả lại diện tích

đất lần chiếm. Chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện L N căn cứ vào quy định pháp luật giải quyết. Chị ủy quyền cho ông Trần Văn TA đại diện cho đến khi kết thúc vụ án.

6. Chị Trương Thị H trình bày:

Chị là con dâu của ông Trần Trung TB, chị kết hôn với anh Trần Văn TN con trai ông Trần Trung TB vào tháng 1/1993 (âm lịch). Sau đó vợ chồng tách khẩu ra ở riêng. Nay gia đình ông Trần Văn TA khởi kiện đòi ông Trần Trung TB trả diện tích đất rừng lần chiếm, chị không nhất trí. Chị đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật giải quyết để đảm bảo quyền lợi cho chị. Chị ủy quyền cho chồng chị anh Trần Văn TN đại diện đến khi kết thúc vụ án.

7. Chị Trần Thị Th trình bày:

Chị là con ông Trần Trung TB. Ông Trần Văn TA khởi kiện đòi ông Trần Trung TB trả lại đất rừng chị không nhất trí vì diện tích đất này của gia đình chị được cấp sổ xanh từ khi chị chưa lấy chồng, chị và gia đình vẫn canh tác trên diện tích đất này. Chị đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật giải quyết để đảm bảo quyền lợi cho bố chị.

8. Anh Trần Văn TA trình bày:

Anh là con đẻ ông Trần Trung TB. Anh kết hôn với chị Chuyên Thị M vào năm 2011. Đến năm 2012 thì vợ chồng anh tách khẩu ra ở riêng. Nay ông Trần Văn TA khởi kiện ông Trần Trung TB phải trả 2ha đất rừng anh không nhất trí. Vì nguồn gốc diện tích đất này gia đình anh khai hoang, được Nhà nước giao và cấp sổ bìa xanh. Trong thời gian anh ở chung anh và bố mẹ vẫn canh tác và sử dụng diện tích đất này, không có tranh chấp. Anh đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật giải quyết để đảm bảo quyền lợi cho ông Trần Trung TB và những người đang ở chung được sử dụng hợp pháp diện tích đất này. Anh ủy quyền cho anh Trần Văn TN đại diện đến khi kết thúc vụ án.

9. Chị Chuyên Thị M trình bày:

Chị là con dâu của ông Trần Trung TB, chị kết hôn với anh Trần Văn TA con trai ông Trần Trung TB vào năm 2011. Đến năm 2012 vợ chồng chị tách khẩu ra ở riêng. Nay gia đình ông Trần Văn TA khởi kiện chị không nhất trí vì diện tích đất này bố mẹ chồng chị được cấp sổ xanh. Chị đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật giải quyết. Chị ủy quyền cho anh Trần Văn TN đại diện đến khi kết thúc vụ án.

10. Anh Trần Văn PH trình bày:

Anh là con ông Trần Trung TB. Anh xây dựng gia đình và kết hôn với chị Diệp Thị Li vào năm 2014 và vợ chồng anh tách khẩu ra ở riêng. Ông Trần Văn TA khởi

kiện đòi ông Trần Trung TB phải trả 2ha đất rừng anh không nhất trí. Vì nguồn gốc diện tích đất này gia đình anh khai hoang, được Nhà nước giao và cấp sổ bìa xanh. Anh đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật giải quyết để đảm bảo quyền lợi cho bố anh và những người đang ở chung với bố được sử dụng hợp pháp diện tích đất này. Anh ủy quyền cho anh Trần Văn TN đại diện đến khi kết thúc vụ án.

11. Chị Diệp Thị Li trình bày:

Chị là con dâu ông Trần Trung TB, chị kết hôn với anh Trần Văn PH vào năm 2014 và tách khẩu ra ở riêng. Đối với diện tích đất tranh chấp với nhà ông Trần Văn TA do bố mẹ chồng chị nhận, trong thời gian sống chung với bố mẹ chồng chị vẫn cùng gia đình chồng canh tác trên diện tích đất này, hiện nay do bố mẹ chồng và em chồng chị đang sử dụng. Nay ông Trần Văn TA khởi kiện đòi bố chồng chị trả diện tích đất rừng 2ha tại khu rừng Chín Lạc thuộc thôn T M, xã T M, chị không nhất trí vì diện tích đất này bố mẹ chồng chị được cấp sổ xanh. Chị đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật giải quyết. Chị ủy quyền cho anh Trần Văn TN đại diện đến khi quyết vụ án.

12. Anh Trần Văn Q trình bày:

Anh là con ông Trần Trung TB. Ông Trần Văn TA khởi kiện ông Trần Trung TB trả 2ha đất rừng anh không nhất trí. Vì nguồn gốc diện tích đất này gia đình anh khai hoang, được Nhà nước giao và cấp sổ bìa xanh. Anh đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật giải quyết để đảm bảo quyền lợi cho gia đình anh được sử dụng hợp pháp diện tích đất này. Anh ủy quyền cho ông Trần Trung TB đại diện giải quyết vụ án.

13. Chị Trần Thị NA trình bày:

Chị là con ông Trần Trung TB. Chị lập gia đình và tách khẩu về chung sống với gia đình chồng. Ông Trần Văn TA khởi kiện đòi ông Trần Trung TB phải trả 2ha đất rừng chị không nhất trí. Vì nguồn gốc diện tích đất này gia đình chị khai hoang, được Nhà nước giao và cấp sổ bìa xanh. Khi chị chưa lập gia đình thì chị và bố mẹ chị vẫn canh tác và sử dụng diện tích đất này. Chị đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật giải quyết để đảm bảo quyền lợi cho ông Trần Trung TB. Chị ủy quyền cho anh Trần Văn TN đại diện tham gia giải quyết vụ án.

14. Bà Chu Thị C trình bày:

Vào khoảng năm 1995 – 1997 gia đình bà được Nhà nước giao đất rừng lâm nghiệp tại khu rừng Chín Lạc, thuộc thôn T M, xã T M, huyện L N, phần đất gia đình bà được giao có ranh giới với đất ông Trần Văn TA, diện tích đất bà được giao 6,25ha, khi giao đất có đại diện thôn, xã T M và Hạt kiểm lâm huyện L N, bà là người trực tiếp đi nhận đất, khi giao đất chỉ tay chỉ ranh giới sau đó về vẽ

sơ đồ. Sau khi được giao gia đình bà trồng lúa, khoai, sắn, hiện nay trồng keo và bạch đàn. Đến năm 2019 ông Trần Văn TA khởi kiện đòi gia đình bà trả lại diện tích đất lấn chiếm là 2ha, bà không nhất trí vì diện tích đất này là của gia đình bà được Ủy ban nhân dân huyện L N cấp sổ xanh, hiện nay đang đợi cấp sổ đỏ. Nay bà đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo đúng quy định của pháp luật để bảo vệ quyền lợi cho gia đình bà. Bà ủy quyền cho ông Trần Trung TB đại diện giải quyết vụ án.

15. Chị Trần Thị CH trình bày:

Chị là con ông Trần Trung TB. Chị kết hôn với anh Nguyễn Đình Vượng và tách khẩu từ năm 1997. Ông Trần Văn TA khởi kiện đòi ông Trần Trung TB phải trả 2ha đất rừng lấn chiếm tại khu rừng Chín Lạc, thuộc thôn T M, xã T M, chị không nhất trí. Chị đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật giải quyết để đảm bảo quyền lợi cho bố mẹ chị và em chị Trần Văn Quý được sử dụng hợp pháp diện tích đất này. Chị ủy quyền cho anh Trần Văn TN đại diện đến khi kết thúc.

16. Chị Trần Thị LN do anh Trương Văn M là đại diện theo ủy quyền trình bày:

Anh là con rể ông Trần Trung TB, là chồng chị Trần Thị LN, chị Trần Thị LN ủy quyền cho anh thay chị tham gia giải quyết vụ án, anh không nhất trí với việc khởi kiện của ông Trần Văn TA vì phần diện tích đất tranh chấp nằm trong sơ đồ, sổ xanh bố mẹ vợ anh được giao từ năm 1997.

17. Đại diện Hạt kiểm lâm huyện L N trình bày:

Việc giao đất, giao rừng cho ông Trần Văn TA và ông Trần Trung TB được thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại Nghị định số: 02/NĐ ngày 15/01/1994 và Luật đất đai năm 1993. Khi giao đất có đầy đủ các ban ngành địa phương. Việc giao đất được tiến hành trực tiếp ngoài thực địa giữa bên giao đất và bên nhận đất. Ông Trần Văn TA (địa chỉ: Thôn T M, xã T M, huyện L N, tỉnh Bắc Giang) được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Lâm nghiệp số: 352/GĐGR ngày 11/12/1997, diện tích: 12 ha = 120.000m². Thuộc lô: 401, thuộc khu rừng Chín Lạc, thôn T M, xã T M, huyện L N, tỉnh Bắc Giang. Ông Trần Trung TB (địa chỉ: Thôn T M, xã T M, huyện L N, tỉnh Bắc Giang) được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp số: 352/GĐGR ngày 11/12/1997, diện tích: 6,25 ha = 62.500m². Thuộc lô: 403, thuộc khu rừng Chín Lạc, thôn T M, xã T M, huyện L N, tỉnh Bắc Giang. Sau khi xem xét, thẩm định, đối chiếu với sơ đồ giao đất, giao rừng thì thấy:

Theo số liệu của Văn phòng đo đất thì: Diện tích ông Trần Văn TA sử dụng thực tế: 99.950m^2 (Trong 99.950m^2 có 2.854m^2 ông Trần Văn TA sử dụng đất ông Trần Trung TB). Thiếu 20.050m^2 so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Diện tích ông Trần Trung TB sử dụng thực tế bao gồm cả phần đất tranh chấp là: $105.769,3\text{m}^2$. Tăng $43.269,3\text{m}^2$ so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Theo số liệu của Văn phòng đo đất thì: Diện tích tranh chấp giữa ông Trần Văn TA và ông Trần Trung TB là: $20.335,5\text{m}^2$.

- Không có việc giao chồng chéo giữa đất giao cho ông Trần Văn TA và đất giao cho ông Trần Trung TB.

- Việc sử dụng không đúng diện tích là do các gia đình tự ý sử dụng không đúng ranh giới, diện tích được giao.

- Theo số liệu của Văn phòng đo đất thì: Phần đất tranh chấp $20.335,5\text{m}^2$ nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sổ xanh) cấp cho ông Trần Văn TA.

Phần diện tích đất có tăng hay giảm so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có nhiều nguyên nhân trong đó có nguyên nhân là trước đây đo vẽ bằng phương pháp thủ công nay đo bằng máy móc hiện đại hơn nên độ chính xác cao hơn.

18. Ủy ban nhân dân huyện L N do ông Mai Văn Dư là đại diện theo ủy quyền trình bày:

Việc giao đất, giao rừng cho ông Trần Văn TA và ông Trần Trung TB được thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại Nghị định số: 02/NĐ ngày 15/01/1994 và Luật đất đai năm 1993. Ông Trần Văn TA (địa chỉ: Thôn T M, xã T M, huyện L N, tỉnh Bắc Giang) được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp số: 352/GĐGR ngày 11/12/1997, diện tích: 12 ha = 120.000m^2 . Thuộc lô: 401, thuộc khu rừng Chín Lạc, thôn T M, xã T M, L N, Bắc Giang. Ông Trần Trung TB (địa chỉ: Thôn T M, xã T M, huyện L N, tỉnh Bắc Giang) được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp số: 352/GĐGR ngày 11/12/1997, diện tích: 6,25 ha = 62.500m^2 . Thuộc lô: 403, thuộc khu rừng Chín Lạc, thôn T M, xã T M, L N, Bắc Giang.

Sau khi xem xét, thẩm định hiện trạng thực tế:

- Diện tích ông Trần Văn TA sử dụng thực tế: 99.950m^2 . Thiếu 20.050m^2 so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Diện tích hộ ông Trần Trung TB sử dụng thực tế: $105.769,3\text{m}^2$. Tăng $43.269,3\text{m}^2$ so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Diện tích tranh chấp giữa ông Trần Văn TA và ông Trần Trung TB là: $20.335,5\text{m}^2$.

- Không có việc giao chồng chéo giữa đất nhà ông Trần Văn TA và nhà ông Trần Trung TB.

- Việc sử dụng không đúng diện tích là do các gia đình tự ý sử dụng không đúng ranh giới, diện tích được giao.

Phần diện tích đất có tăng hay giảm so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có nhiều nguyên nhân trong đó có nguyên nhân là trước đây đo vẽ bằng phương pháp thủ công nay đo bằng thiết bị hiện đại có độ chính xác cao hơn.

19. Ủy ban nhân dân xã T M do ông Phạm Văn LU là đại diện theo ủy quyền trình bày:

Việc giao đất, giao rừng cho ông Trần Văn TA và ông Trần Trung TB được thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại Nghị định số: 02/NĐ ngày 15/01/1994 và Luật đất đai năm 1993. Khi giao đất có đầy đủ các ban ngành địa phương. Việc giao đất được tiến hành trực tiếp ngoài thực địa giữa bên giao đất và bên nhận đất.

Ông Trần Văn TA (địa chỉ: Thôn T M, xã T M, huyện L N, tỉnh Bắc Giang) được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp số: 352/GĐGR ngày 11/12/1997, diện tích: 12ha = 120.000m². Thuộc lô: 401, thuộc khu rừng Chín Lạc, thôn T M, xã T M, huyện L N, tỉnh Bắc Giang.

Ông Trần Trung TB (địa chỉ: Thôn T M, xã T M, huyện L N, tỉnh Bắc Giang) được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp số: 352/GĐGR ngày 11/12/1997, diện tích: 6,25 ha = 62.500m². Thuộc lô: 403, thuộc khu rừng Chín Lạc, thôn T M, xã T M, huyện L N, tỉnh Bắc Giang.

Không có việc giao chồng chéo giữa đất nhà ông Trần Văn TA và nhà ông Trần Trung TB, giao đúng diện tích, ranh giới. Việc tranh chấp là do các hộ tự ý sử dụng sang đất của nhau.

Theo số liệu của Văn phòng đo đất: Tổng diện tích ông Trần Văn TA sử dụng thực tế: 99.950m². Thiếu 20,050m² so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tổng diện tích ông Trần Trung TB sử dụng thực tế là: 105.769,3m². Tăng 43.269,3m² so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Diện tích tranh chấp giữa ông Trần Văn TA và ông Trần Trung TB là: 20.335,5m².

Phần diện tích đất có tăng hay giảm so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có nhiều nguyên nhân trong đó có nguyên nhân là trước đây đo vẽ bằng phương pháp thủ công nay đo bằng máy móc hiện đại hơn nên độ chính xác cao hơn.

Những người làm chứng trình bày:

1. Ông Chu Văn G trình bày:

Ông giữ chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T M trong giai đoạn từ năm 1994 -2004, trong giai đoạn 1997 -1998 ông có nằm trong ban giao đất rừng của xã T M, khi giao đất trên địa bàn thôn T M, xã T M, tổ giao đất gồm có: Ông, ông Vũ Công Th - Cán bộ lâm nghiệp xã, ông Trần HU - Nguyên trưởng thôn T M và ông Lê Quang Cát - đại diện Hạt kiểm lâm huyện. Tổ giao đất trực tiếp đến thực địa giao đất cho các hộ dân trong thôn, người nhận đất cũng trực tiếp đến nhận đất thì tổ giao đất mới giao, hộ ông Trần Văn TA và ông Trần Trung TB là công dân xã T M cũng có đại diện gia đình đến nhận đất, được chỉ ranh giới rõ ràng, không có việc giao chồng chéo giữa các bên. Các bên có tranh chấp là do các hộ tự ý sử dụng không đúng ranh giới. Nay ông Trần Văn TA khởi kiện đòi đất ông Trần Trung TB. Đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật để giải quyết đảm bảo quyền lợi cho các bên.

2. Ông Vũ Công Th trình bày:

Trong giai đoạn 1997 -1998 ông là cán bộ Lâm nghiệp xã T M, ông nằm trong ban giao đất rừng của xã T M, khi giao đất trên địa bàn thôn T M, xã T M tổ giao đất gồm : Ông, ông Chu Văn G – Nguyên chủ tịch xã, ông T H – Nguyên trưởng thôn và ông Lê Quang C – Đại diện Hạt kiểm lâm huyện L N. Tổ giao đất trực tiếp đến thực địa giao đất cho các hộ dân trong thôn, người nhận đất cũng trực tiếp đến nhận đất thì tổ giao đất mới giao, hộ ông Trần Văn TA và ông Trần Trung TB là công dân xã T M cũng có đại diện gia đình đến nhận đất, được chỉ ranh giới rõ ràng, không có việc giao chồng chéo giữa các hộ. Các hộ có tranh chấp là do các hộ tự ý sử dụng không đúng ranh giới. Nay ông Trần Văn TA khởi kiện đòi đất ông Trần Trung TB . Đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật để giải quyết đảm bảo quyền lợi cho các bên.

3. Ông Trần HU trình bày:

Trong giai đoạn 1982-2000 ông là trưởng thôn T M, xã T M, ông nằm trong ban giao đất rừng của xã T M, khi giao đất trên địa bàn thôn T M, xã T M tổ giao đất gồm : Ông, ông Chu Văn G - nguyên Chủ tịch xã, ông Vũ Công Th - là cán bộ Lâm nghiệp xã và ông Lê Quang C - đại diện Hạt kiểm lâm huyện. Tổ giao đất trực tiếp đến thực địa giao đất cho các hộ dân trong thôn, người nhận đất cũng trực tiếp đến nhận đất thì tổ giao đất mới giao, hộ ông Trần Văn TA và ông Trần Trung TB là công dân xã T M cũng có đại diện gia đình đến nhận đất, được chỉ ranh giới rõ ràng, không có việc giao chồng chéo giữa các bên. Các bên có tranh chấp là do các bên tự ý sử dụng không đúng ranh giới. Nay ông Trần Văn TA khởi kiện đòi đất ông Trần Trung TB. Đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật để giải quyết đảm bảo quyền lợi cho các bên.

Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 23/7/2020 xác định tài sản tranh chấp như sau:

Ông Trần Văn TA (địa chỉ: Thôn T M, xã T M, huyện L N, tỉnh Bắc Giang) được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp số: 352/GĐGR ngày 11/12/1997, diện tích: 12ha = 120.000m². Thuộc lô: 401, thuộc khu rừng Chín Lạc, thôn T M, xã T M, L N, Bắc Giang.

Ông Trần Trung TB (địa chỉ: Thôn T M, xã T M, huyện L N, tỉnh Bắc Giang) được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Lâm nghiệp số: 352/GĐGR ngày 11/12/1997, diện tích: 6,25 ha = 62.500m². Thuộc lô: 403, thuộc khu rừng Chín Lạc, thôn T M, xã T M, L N, Bắc Giang.

Trên phần diện tích đất tranh chấp 20.335,5m² có 11.642m² trồng cây bạch đàn và 8873,5m² trồng cây keo.

Tại biên bản định giá tài sản ngày 23/7/2020 xác định giá trị tài sản như sau:

Diện tích đất tranh chấp ông Trần Trung Tư đang sử dụng là 20.335,5m² x 8.000đ/m² = 162.680.000đồng;

Tỷ lệ 5m²/01 cây bạch đàn, có 11.462m² trồng cây bạch đàn, trên đất có 2.292 cây bạch đàn (đường kính gốc 10 – 13cm) x 118.000đồng/ cây = 270.000.000đồng;

Tỷ lệ 6m²/01 cây keo, có 8.873,5m² trồng cây keo, trên đất có 1.479 cây keo (đường kính gốc 13 – 20 m) x 154.000đồng/ cây = 227.766.000đồng;

Tổng cộng giá trị tài sản tranh chấp là: 660.446.000đồng (sáu trăm sáu mươi triệu bốn trăm bốn mươi sáu nghìn đồng).

Với nội dung vụ án như trên, bản án số 02/2021/DS- ST ngày 15/01/25021 của Tòa án nhân dân huyện L N đã quyết định :

Áp dụng Các Điều 24, Điều 36, Điều 38, Điều 43 Luật đất đai năm 1993.

Áp dụng Điều 4, Điều 5, Điều 100, Điều 166, Điều 202 và Điều 203 Luật đất đai năm 2013;

Áp dụng Điều 138, Điều 158; Điều 166, Điều 175, Điều 176, Điều 257, Điều 261, Điều 264, Điều 265, Điều 579, Điều 580 và Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp Dụng Khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 91, Điều 93, Điều 156, Điều 157; Điều 158; Điều 165, Điều 166; Điều 227, Điều 228, Điều 229, Điều 271, Điều 273 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn TA.

1.1. Buộc hộ ông Trần Trung TB phải trả cho hộ ông Trần Văn TA diện tích là 20.335,5m² đất thuộc lô: 401, thuộc khu rừng C L, thôn T M, xã T M, huyện L N, tỉnh Bắc Giang.

Buộc hộ ông Trần Trung TB phải di dời, khai thác, thu hoạch toàn bộ cây trồng, tài sản trên diện tích đất 20.335,5m².

Ngoài ra bản án còn tuyên về nghĩa vụ chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, án phí, quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 18/01/2021, ông Trần Trung TB kháng cáo:

Nội dung kháng cáo: Bản án sơ thẩm không khách quan, đề nghị Tòa án phúc thẩm xét xử lại bảo vệ quyền lợi chính đáng của gia đình ông.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Trần Văn TA không thay đổi, bổ sung, rút yêu cầu khởi kiện, ông Trần Trung TB không thay đổi, bổ sung, rút kháng cáo; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ông Trần Trung TB trình bày:

Ông kháng cáo các nội dung: Không chấp nhận trả đất cho ông Trần Văn TA, không chấp nhận khai thác, thu hoạch cây trồng như bản án sơ thẩm tuyên.

Bản án sơ thẩm xét xử không khách quan, nguồn gốc đất trước khi xảy ra tranh chấp không được Tòa án điều tra làm rõ, việc xem xét, thẩm định tại chỗ không khách quan, không đúng ranh giới, ông Trần Trung TB không lấn chiếm đất của gia đình ông Trần Văn TA. Năm 1997, khi Nhà nước giao đất lâm nghiệp đã được xác nhận rõ ranh giới 2 thửa. Tuy nhiên khi giao đất cơ quan có thẩm quyền không cắm mốc mà dùng phương pháp chỉ tay, các bên nhận đất theo khe nước chảy làm ranh giới. Sau khi được giao nhận các hộ đã canh tác ổn định. Năm 2018, đo đạc lại bản đồ địa chính ông Trần Văn TA thấy diện tích đất nhỏ hơn so với diện tích ghi trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình ông Trần Văn TA được giao nên đã khởi kiện yêu cầu gia đình ông phải trả đất là không có căn cứ, ông không chấp nhận.

Ông Trần Văn TA trình bày:

Năm 1997 Nhà nước giao đất, giao rừng. Sau khi nhận đất rừng gia đình ông Trần Trung TB phát băng trước, trong quá trình phát băng ông Trần Trung TB đã lấn sang đất của nhà ông trước nhưng gia đình ông chưa biết. Đến năm 2013, gia đình ông Trần Trung TB phát cây trồng sẵn gia đình mới biết ông Trần Trung TB lấn chiếm đất, ông đã yêu cầu ông Trần Trung TB dừng việc lấn chiếm nhưng ông Trần Trung TB vẫn tiếp tục lấn chiếm, đến năm 2014, ông Trần Trung

TB tiến hành trồng keo trên toàn bộ diện tích đất lấn chiếm. Do số cây keo gia đình ông Trần Trung TB trồng đã đến kỳ thu hoạch, ông đồng ý để gia đình ông Trần Trung TB thu hoạch hết số cây trồng trên đất và phải trả lại diện tích đất đã lấn chiếm của gia đình ông là 20.335,5m² theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ của Tòa án nhân dân huyện L N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán từ khi thụ lý đến khi xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên Toà, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Thư ký phiên tòa đã phổ biến nội quy phiên tòa; kiểm tra sự có mặt của những người tham gia phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án và thực hiện các công việc khác đúng quy định tại Điều 237 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng các quyền và nghĩa vụ của đương sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Đề nghị hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 308, Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự; Không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Trung TB. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 02/2021/DS-ST ngày 15/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện L N, tỉnh Bắc Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả hỏi và tranh tụng tại phiên tòa. Sau khi thảo luận và nghị án Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về việc vắng mặt của các đương sự: Tại phiên tòa phúc thẩm, một số người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng đã có người đại diện tham gia tố tụng, một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc giải quyết kháng cáo. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của ông Trần Trung TB. Hội đồng xét xử thấy: Ông Trần Văn TA được Ủy ban nhân dân huyện L N cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp số: 352/GĐGR ngày 11/12/1997, diện tích: 12ha =

120.000m². Thuộc lô: 401, thuộc khu rừng Chín Lạc, thôn T M, xã T M, huyện L N, tỉnh Bắc Giang.

Ông Trần Trung TB được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp số: 352/GĐGR ngày 11/12/1997, diện tích: 6,25ha = 62.500m². Thuộc lô: 403, thuộc khu rừng Chín Lạc, thôn T M, xã T M, huyện L N, tỉnh Bắc Giang.

Quá trình sử dụng đất, gia đình ông Trần Văn TA phát hiện gia đình ông Trần Trung TB có sử dụng lấn sang phần diện tích đất được Nhà nước giao cho ông. Ông Trần Văn TA khởi kiện đề nghị Tòa án buộc ông Trần Trung TB phải trả lại diện tích đất lấn chiếm theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ là 20.335,5m² thuộc lô 401, thuộc khu rừng Chín Lạc, thôn T M, xã T M, huyện L N, tỉnh Bắc Giang gia đình ông Trần Văn TA đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Lâm nghiệp số: 352/GĐGR ngày 11/12/1997, diện tích: 12ha.

Căn cứ vào hồ sơ cấp đất cấp cho ông Trần Văn TA và ông Trần Trung TB và căn cứ vào ý kiến của Hạt kiểm lâm huyện L N, là cơ quan trực tiếp giao đất, căn cứ vào lời khai của những người làm chứng. Có đủ căn cứ để xác định: Ông Trần Văn TA và ông Trần Trung TB đều được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp theo đúng trình tự, thủ tục, được trực tiếp giao đất tại thực địa, có đầy đủ bên giao, bên nhận, có lô khoảnh, diện tích rõ ràng, không có việc chồng chéo giữa các lô đất được giao phù hợp với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất các bên được cấp, phù hợp với sơ đồ Hạt kiểm lâm huyện L N còn lưu giữ. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông Trần Văn TA và Trần Trung TB được cấp phù hợp với quy định tại các Điều 24, Điều 43 Luật đất đai năm 1993 và Nghị định số 02/NĐ ngày 15/01/1994.

Theo sơ đồ của Hạt kiểm lâm huyện L N và kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 23/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện L N gồm các thành phần: Đại diện Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện L N, đại diện chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L N, đại diện Hạt kiểm lâm huyện L N. Đại diện ủy ban nhân dân xã T M, đại diện thôn T M, xã T M, huyện L N (bút lục 122,123,124). Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ đúng quy định tại Điều 101 Bộ luật tố tụng dân sự. Ông Trần Trung TB trình bày, Tòa án cấp sơ thẩm xem xét thẩm định tại chỗ là không có căn cứ. Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ xác định được: Diện tích đất hộ ông Trần Văn TA canh tác được cấp liền kề giáp ranh với đất nhà ông Trần Trung TB. Hiện trạng hộ ông Trần Văn TA và hộ ông Trần Trung TB sử dụng không đúng ranh giới. Diện tích được giao, ông Trần Văn TA được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 12ha nhưng diện tích sử dụng thực tế là: 99.950m². Thiếu 20,050m² so với giấy chứng nhận quyền

sử dụng đất được cấp. Ông Trần Trung TB được cấp 6,25 ha nhưng sử dụng thực tế: 105769,3m². Tăng 43.269,3m² so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ đó dẫn đến việc tranh chấp. Phần đất tranh chấp giữa gia đình ông Trần Văn TA và ông Trần Trung TB = 20.335,5m² được thể hiện trên sơ đồ là hình đa giác khép kín từ điểm số 1 qua các điểm số 2,3,4,5,6,7,8,9,10. Theo kết quả do Hạt kiểm lâm huyện L N xác định và kết quả đo đạc của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L N thì diện tích tranh chấp 20.335,5m², ông Trần Trung TB sử dụng thuộc lô 401 đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Trần Văn TA. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Trần Trung TB khai việc xem xét thẩm định tại chỗ không kahcs quan là không có căn cứ. Do trên phần đất tranh chấp gia đình ông Trần Trung TB đã trồng bạch đàn theo tỷ lệ 5m²/01 cây = 2.292m² cây bạch đàn (đường kính gốc từ 10 - 13cm) trị giá 270.000.000đồng và 1.479 cây keo (đường kính gốc 13 – 20 cm) trị giá 227.766.000đồng đã đến thời kỳ thu hoạch, để đảm bảo quyền lợi cho gia đình ông Trần Trung TB đối với tài sản là số cây keo, bạch đàn do gia đình ông trồng, bản án sơ thẩm số 02/2021/DS-ST ngày 15/01/2021 buộc hộ ông Trần Trung TB khai thác, di dời, thu hoạch toàn bộ số cây keo, bạch đàn và cây trồng, tài sản khác để trả lại cho ông Trần Văn TA 20.335,5m² đất lấn chiếm là có căn cứ phù hợp với Điều 257, 260, 261 và 264 BLDS 2015 và Điều 166 Luật đất đai năm 2013.

Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy: Không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của ông Trần Trung TB. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 02/2021/DS- PT ngày 15/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện L N, tỉnh Bắc Giang.

[3] Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trần Trung TB là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho ông Trần Trung TB.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308, khoản 6 Điều 313, khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Trung TB. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 02/2021/DS- ST ngày 15/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện L N, tỉnh Bắc Giang.

Áp Dụng Khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 91, Điều 93 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Các Điều 24, Điều 36, Điều 38, Điều 43 Luật đất đai năm 1993.

Áp dụng Điều 4, Điều 5, Điều 100, Điều 166, Điều 202 và Điều 203 Luật đất đai năm 2013;

Áp dụng Điều 101, 138, Điều 158; Điều 166, Điều 175, Điều 176, Điều 257, Điều 261, Điều 264, Điều 265, Điều 579, Điều 580 và Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Buộc hộ ông Trần Trung TB phải di dời, khai thác, thu hoạch toàn bộ cây trồng, tài sản trên diện tích đất 20.335,5 m² đất thuộc lô: 401, thuộc khu rừng Chín Lạc, thôn T M, xã T M, huyện L N, tỉnh Bắc Giang đã được Ủy ban nhân dân huyện L N, tỉnh Bắc Giang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp số: 352/GĐGR ngày 11/12/1997 để trả lại đất cho hộ ông Trần Văn TA. Diện tích 20.335,5 m² đất hộ ông Trần Trung TB phải trả cho hộ ông Trần Văn TA được xuất phát từ điểm số 1 lần lượt qua các điểm số 2,3,4,5,6,7,8,9,10 và từ điểm số 10 trở về điểm số 1 để thành hình đa giác khép kín (có sơ đồ kèm theo bản án).

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Miễn toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm cho ông Trần Trung TB.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người thi hành án phải tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7a, 7b, 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các nội dung khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Án xử phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND Tỉnh Bắc Giang;
- TAND huyện L N;
- CCTHA dân sự huyện Lục Ngạn;
- Các đương sự,
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Xuân Thạo